

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ  
HỘI ĐỒNG .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**  
**NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG**  
**(Áp dụng cho nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp)**

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....
2. Tên nhiệm vụ:.....
3. Tổ chức, doanh nghiệp đăng ký chủ trì nhiệm vụ:.....
4. Bảng điểm theo các tiêu chí đánh giá

**Tiêu chí 1:** Tính cấp thiết của nhiệm vụ:

| TT | Tiêu chí                                                                                               | Điểm tối đa | Điểm đánh giá |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| 1  | Nhiệm vụ có tính cấp thiết, đáp ứng yêu cầu quản lý (nếu có) và phù hợp nhu cầu thực tiễn              | 5           |               |
| 2  | Đối tượng được hỗ trợ trong nhiệm vụ có ý nghĩa lý luận, ý nghĩa thực tiễn cao.                        | 5           |               |
| 3  | Tính chính xác, logic và phù hợp của số liệu để chứng minh, luận giải cho tính cấp thiết của nhiệm vụ. | 5           |               |
|    | <b>T1 = Tổng số điểm đánh giá theo Tiêu chí 1</b>                                                      | <b>15</b>   |               |

**Tiêu chí 2:** Tính khả thi của nhiệm vụ:

| STT | Tiêu chí                                                                                                                                                                           | Điểm tối đa | Điểm đánh giá |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| 1   | <b>Mục tiêu của nhiệm vụ</b>                                                                                                                                                       | 5           |               |
|     | Mục tiêu của nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu của Chương trình và chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của ngành, địa phương.                                 | 3           |               |
|     | Mục tiêu được nêu một cách rõ ràng, đầy đủ, có định lượng và có thể hoàn thành khi nhiệm vụ kết thúc.                                                                              | 2           |               |
| 2   | <b>Nội dung của nhiệm vụ</b>                                                                                                                                                       | 15          |               |
|     | Tính đầy đủ, đồng bộ của các nội dung, hạng mục công việc                                                                                                                          | 5           |               |
|     | Tính logic, khoa học và hợp lý của nội dung, hạng mục công việc để đạt được mục tiêu và thu được sản phẩm, kết quả hoặc giải quyết các vấn đề mà nhiệm vụ đã đặt ra.               | 10          |               |
| 3   | <b>Phương pháp triển khai nhiệm vụ</b>                                                                                                                                             | 10          |               |
|     | Tính khoa học, hợp lý, sáng tạo trong việc lựa chọn, bố trí, sắp xếp từng hạng mục công việc để thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra.                     | 4           |               |
|     | Tính khả thi phương án tổ chức thực hiện nhiệm vụ.                                                                                                                                 | 4           |               |
|     | Tính khoa học của việc sắp xếp thời gian và phương án sử dụng nguồn lực tài chính, tài sản và nhân lực để thực hiện nhiệm vụ.                                                      | 2           |               |
|     | <b>Năng lực triển khai nhiệm vụ của tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ hoặc năng lực tiếp nhận và vận hành, duy trì giải pháp của doanh nghiệp được hỗ trợ</b> | 10          |               |
|     | Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm của tổ chức/doanh nghiệp.                                                                                                                       | 4           |               |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 4 | Năng lực tổ chức triển khai, khả năng điều phối tổ chức/doanh nghiệp (tính khoa học và hợp lý trong xây dựng nội dung nhiệm vụ và bố trí kế hoạch thực hiện, khả năng tập hợp lực lượng để triển khai nhiệm vụ); năng lực của tổ chức, cá nhân phối hợp (nếu có) | 4         |  |
|   | Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị của các tổ chức/doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cho phép triển khai hiệu quả các nội dung nhiệm vụ.                                                                                                                  | 2         |  |
| 5 | <b>Phương án tài chính:</b>                                                                                                                                                                                                                                      | <b>10</b> |  |
|   | Tính hợp lý, sát thực tế và có đủ luận cứ của dự toán kinh phí.                                                                                                                                                                                                  | 4         |  |
|   | Tính chi tiết của dự toán kinh phí và phân bổ hợp lý kinh phí cho các khoản chi tương ứng để thực hiện nhiệm vụ.                                                                                                                                                 | 3         |  |
|   | Khả năng huy động kinh phí đối ứng thực hiện nhiệm vụ.                                                                                                                                                                                                           | 3         |  |
|   | <b>T2 = Tổng số điểm đánh giá theo Tiêu chí 2</b>                                                                                                                                                                                                                | <b>50</b> |  |

**Tiêu chí 3: Tính hiệu quả và khả năng duy trì, nhân rộng của nhiệm vụ**

| STT | Tiêu chí                                                                                                                                                | Điểm tối đa | Điểm đánh giá |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|
|     | <b>Kết quả, sản phẩm và hiệu quả kinh tế, xã hội của nhiệm vụ:</b>                                                                                      | <b>20</b>   |               |
|     | Kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ tương ứng với các nội dung triển khai, được định lượng cụ thể để bảo đảm việc đánh giá, nghiệm thu khi nhiệm vụ kết thúc | 10          |               |

|   |                                                                                                                                     |           |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 1 | Tính phù hợp và khoa học của việc đưa ra chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, yêu cầu về mức phải đạt của các sản phẩm, kết quả nhiệm vụ     | 5         |  |
|   | Định lượng được hiệu quả, lợi ích khi triển khai nhiệm vụ.                                                                          | 5         |  |
| 2 | <b>Khả năng duy trì và nhân rộng của nhiệm vụ</b>                                                                                   | <b>15</b> |  |
|   | Khả năng duy trì, mức độ ảnh hưởng, tác động đến thúc đẩy, nâng cao năng suất, chất lượng của nhiệm vụ sau khi kết thúc             | 10        |  |
|   | Khả năng phổ biến và nhân rộng để áp dụng cho các nhiệm vụ tương tự hoặc đáp ứng nhu cầu sử dụng chung cho doanh nghiệp, cộng đồng. | 5         |  |
|   | <b>T3 = Tổng số điểm đánh giá theo Tiêu chí 3</b>                                                                                   | <b>35</b> |  |

**Tổng số điểm đánh giá cho hồ sơ (T = T1 + T2 + T3):** .....

**5. Kết luận:** (đánh dấu X)

☐ 1. **Đạt** (nếu có tổng số điểm đánh giá đạt tối thiểu là 70 điểm, đồng thời có điểm đánh giá về tính khả thi đạt tối thiểu 40 điểm).

**Kiến nghị:** (xác định cụ thể từng nội dung được tài trợ, hỗ trợ; thời gian thực hiện; kết quả đầu ra tương ứng; hồ sơ thanh toán đối với từng nội dung tài trợ, hỗ trợ):

.....

.....

☐ 2. **Không đạt** (nếu có tổng số điểm đánh giá đạt dưới 70 điểm; hoặc/và có điểm đánh giá về tính khả thi đạt dưới 40 điểm) (Nêu cụ thể một hoặc nhiều điểm không đáp ứng) hoặc do các lý do khác (xin liệt kê rõ).

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)